

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục tăng nhẹ hơn 5 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,659.92 điểm. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 8/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản, Bán lẻ tăng khoảng 1% trong khi ngành Hóa chất dẫn đầu đà giảm hơn 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX, UPCOM và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Thị trường có thể tiếp tục tăng trong nghi ngờ về vùng 1,680 - 1,700. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong giai đoạn này khi thanh khoản vẫn còn khiêm tốn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 18/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.50** điểm, đóng cửa tại **1659.92** điểm. HNX-Index **-1.33** điểm, đóng cửa tại **267.36** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.64)**, **VHM (+1.88)**, **VPB (+1.27)**, **CTG (+0.67)**, **HVN (+0.54)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.74)**, **VNM (-0.64)**, **VCB (-0.56)**, **LPB (-0.43)**, **FPT (-0.38)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,141** tỷ đồng, tăng **7.53%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 22,679 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.77 điểm. Thị trường có **152** mã tăng, 52 mã tham chiếu, **161** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-46.94** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIX (-151.52 tỷ)**, **MBB (-137.39 tỷ)**, **VCI (-131.53 tỷ)**, **STB (-109.73 tỷ)**, **VRE (-66.14 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **53.71** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.22%**. Các mã diễn biến tích cực:
TPB (+2.62%) [\(Link báo cáo\)](#)
VPB (+2.49%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+2.11%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.14%**. Các mã diễn biến tích cực:
ANV (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
DGW (+5.04%) [\(Link báo cáo\)](#)
VTP (+3.82%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.22%	0.14%	0.33%	0.24%
1 tuần	4.01%	4.77%	4.16%	4.20%
1 tháng	0.26%	-2.82%	-4.12%	-4.00%
3 tháng	-1.49%	-5.75%	-0.27%	3.81%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,659.92	267.36	120.00
% 1D	0.33%	-0.49%	-0.55%
GTKL (tỷ VND)	20,141	1,455	526
%1D	7.53%	-6.55%	-39.33%
GDNN (tỷ VND)	-46.94	53.71	-87.31

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	377.73	VIX	-151.52
FPT	107.38	MBB	-137.39
TCB	97.00	VCI	-131.53
VPB	92.24	STB	-109.73
CTG	80.17	VRE	-66.14

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

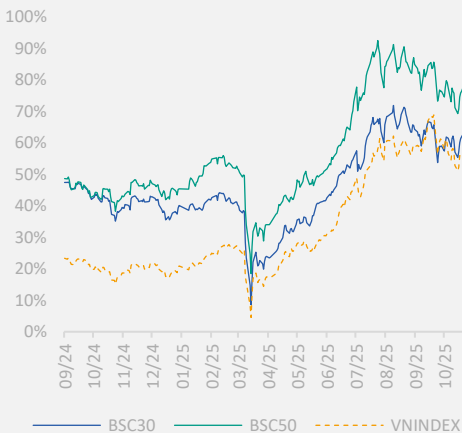
		%D	%W
SPX	6,672	-0.92%	-2.34%
FTSE100	9,595	-0.84%	-3.08%
Eurostoxx	5,576	-1.40%	-2.50%
Shanghai	3,940	-0.81%	-1.57%
Nikkei	48,703	-3.22%	-4.16%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	63.78	-0.40%
Giá vàng	4,033	-0.31%
Tỷ giá		
USD/VND	26,388	0.05%
EUR/VND	31,350	-0.08%
JPY/VND	174	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	-0.01%
LS LNH 1M	5.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

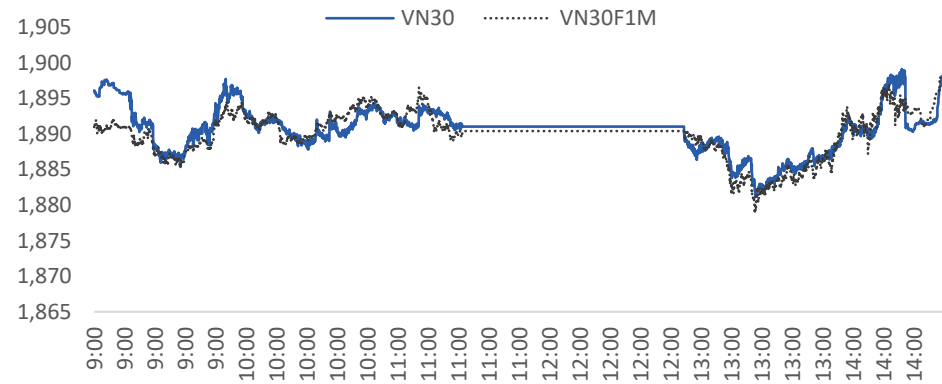
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1898.00	0.15%	262,399	6.0%	20/11/2025	2
41I1G6000	1881.30	0.07%	74	57.4%	18/06/2026	212
VN30F2512	1895.90	0.25%	5,624	97.3%	18/12/2025	30
41I1G3000	1883.00	0.11%	87	93.33%	19/03/2026	121

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +4.53 điểm, đóng cửa tại 1898.07 điểm. Biên độ dao động 18.03 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VPB, VHM, HPG, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 tăng nhẹ trong giằng co. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2522	25/12/2025	37	203,500	21.54%	116.79	190	90.0%	0.01	121.54	100.00	100.00
CMWG2521	25/03/2026	127	203,700	19.46%	91.00	1,630	41.7%	0.85	99.15	83.00	83.00
CFPT2523	25/03/2026	127	103,500	29.80%	117.80	480	33.3%	0.07	129.80	100.00	100.00
CSSB2504	23/02/2026	97	100	44.80%	23.12	500	25.0%	0.01	25.12	17.35	17.35
CVPB2512	13/04/2026	146	99,400	5.40%	18.50	6,090	14.7%	5.48	30.35	28.80	28.80
CVHM2510	12/01/2026	55	2,700	-0.14%	57.50	9,840	14.0%	9.98	96.86	97.00	97.00
CSTB2531	9/03/2026	111	190,600	26.02%	60.10	760	13.4%	0.42	62.38	49.50	49.50
CSTB2517	15/12/2025	27	122,600	1.17%	45.00	2,540	11.9%	2.56	50.08	49.50	49.50
CSTB2534	9/02/2026	83	276,200	46.38%	71.70	380	11.8%	0.05	72.46	49.50	49.50
CSTB2511	19/12/2025	31	700	1.74%	45.00	1,340	9.8%	1.31	50.36	49.50	49.50
CSTB2520	23/03/2026	125	3,200	7.82%	48.00	1,790	9.8%	1.86	53.37	49.50	49.50
CTPB2502	12/01/2026	55	904,700	5.40%	13.05	2,950	9.3%	2.49	18.55	17.60	17.60
CVNM2509	23/02/2026	97	43,700	15.36%	66.48	480	9.1%	0.15	70.02	60.70	60.70
CTPB2506	23/07/2026	247	144,800	14.70%	16.87	1,740	8.8%	1.37	20.19	17.60	17.60
CVIC2514	25/06/2026	219	14,400	8.45%	148.89	8,970	7.8%	7.64	238.59	220.00	220.00
CHPG2520	15/12/2025	27	393,700	0.71%	23.32	2,630	7.8%	2.58	27.70	27.50	27.50
CHPG2505	26/03/2026	128	77,900	6.89%	24.98	2,650	7.7%	2.33	29.40	27.50	27.50
CSTB2519	23/06/2026	217	407,800	14.12%	51.00	1,830	7.6%	1.94	56.49	49.50	49.50
CSTB2532	8/09/2026	294	90,100	47.52%	68.70	1,440	7.5%	0.74	73.02	49.50	49.50
CSTB2521	23/06/2026	217	576,200	14.51%	50.00	1,670	7.1%	1.56	56.68	49.50	49.50

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 18/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2522 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 90.00%. CLPB2503 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.47%.
- CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CVRE2525, CVHM2523 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
VIC	220.00	1.38%	2.76
VPB	28.80	2.49%	2.25
VHM	97.00	2.11%	1.70
HPG	27.50	0.73%	1.27
MWG	83.00	0.73%	1.01

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30			
	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	100.00	-0.99%	-2.13
VNM	60.70	-2.25%	-1.71
LPB	49.55	-1.29%	-1.20
MSN	79.00	-0.88%	-0.90
MBB	23.70	-0.42%	-0.26

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	220.00	1.38%	2.64	3.88
VHM	97.00	2.11%	1.88	4.11
VPB	28.80	2.49%	1.27	7.93
CTG	49.40	1.13%	0.67	5.37
HVN	30.25	2.54%	0.54	3.11

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVI	90.40	4.15%	0.52	0.23
DNP	20.00	9.29%	0.16	0.14
PMC	187.00	9.87%	0.10	0.01
PTI	40.00	3.36%	0.10	0.12
DTK	11.60	1.75%	0.08	0.68

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ABS	3.37	6.98%	0.00	0.20
ANV	30.80	6.94%	0.13	6.64
HII	5.94	6.83%	0.01	0.97
TMT	10.35	6.81%	0.01	0.02
FUCVREIT	8.45	6.29%	0.00	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	187.00	9.87%	0.61	0.01
SDU	17.00	9.68%	0.12	0.00
DNP	20.00	9.29%	0.93	0.00
KKC	6.30	8.62%	0.01	0.00
TKU	14.40	8.27%	0.20	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	28.25	-2.92%	-0.74	4.00
VNM	60.70	-2.25%	-0.64	2.09
VCB	59.90	-0.50%	-0.56	8.36
LPB	49.55	-1.29%	-0.43	2.99
FPT	100.00	-0.99%	-0.38	1.70

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	78.80	-1.62%	-0.68	0.90
IDC	41.10	-3.07%	-0.28	0.38
CEO	26.00	-1.89%	-0.17	0.57
VIF	15.20	-4.40%	-0.14	0.35
HUT	18.00	-1.10%	-0.10	1.07

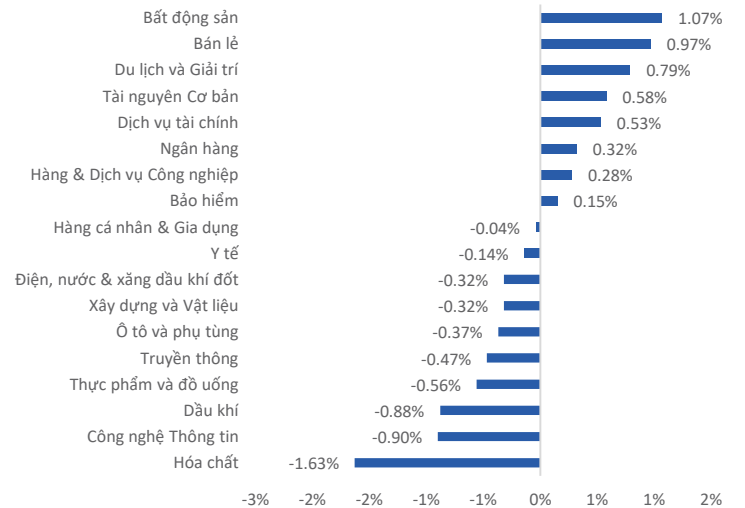
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SFC	21.45	-6.74%	0.00	0.00
STG	32.70	-6.57%	-0.05	0.00
ASG	15.50	-6.06%	-0.02	0.00
HID	5.50	-3.85%	0.00	2.15
CDC	27.70	-3.82%	-0.01	1.74

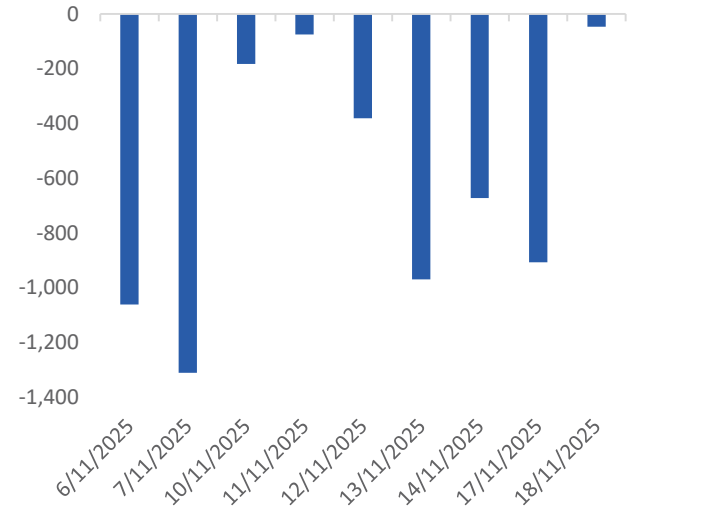
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC6	26.80	-9.76%	-0.10	0.00
HKT	14.10	-9.62%	-0.16	0.00
HTC	27.10	-9.36%	-0.15	0.00
HEV	10.00	-9.09%	0.00	0.00
VCM	9.00	-7.22%	-0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	83.0	0.7%	1.3	122,712	403.9	3,955	21.0	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	0.0%	1.2	32,914	107.4	1,872	18.7	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	35.4	0.9%	1.2	39,726	239.6	857	41.3	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	23.0	-0.2%	1.5	22,536	182.3	211	109.0	28,200	8.9%	Link
VHM	Bất động sản	97.0	2.1%	1.3	398,419	441.2	6,133	15.8	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	100.0	-1.0%	0.9	170,351	666.7	5,280	18.9	118,700	38.4%	Link
BSR	Dầu khí	16.3	-0.9%	0.0	81,619	51.9	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	34.8	-1.1%	1.4	16,633	189.7	3,040	11.5	42,800	12.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	0.0%	1.3	24,785	258.8	1,415	16.2		35.0%	
SSI	Dịch vụ tài chính	35.6	0.4%	1.2	73,799	940.2	1,882	18.9		32.8%	
VCI	Dịch vụ tài chính	36.4	0.6%	1.0	26,303	456.3	1,589	22.9		18.6%	
DCM	Hóa chất	34.8	-0.6%	1.2	18,423	75.6	3,578	9.7	47,300	4.3%	Link
DGC	Hóa chất	98.8	-0.2%	1.3	37,522	335.6	8,296	11.9	109,300	11.5%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	-0.2%	0.9	128,930	161.1	3,385	7.4	28,400	29.4%	Link
BID	Ngân hàng	38.4	0.0%	1.0	269,620	55.8	3,781	10.2	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.4	1.1%	1.1	265,278	299.7	6,208	8.0	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	30.5	1.3%	1.1	117,519	619.8	3,667	8.3	30,800	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	23.7	-0.4%	1.1	190,903	464.8	3,017	7.9	29,300	20.5%	Link
MSB	Ngân hàng	12.3	-0.8%	1.1	38,376	61.0	1,729	7.1	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.5	1.2%	0.9	93,318	464.2	6,519	7.6		15.5%	
TCB	Ngân hàng	35.4	0.6%	1.1	250,499	453.8	3,112	11.4	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.6	2.6%	1.2	48,823	232.5	2,358	7.5	-	24.2%	Link
VCB	Ngân hàng	59.9	-0.5%	0.8	500,505	288.3	4,202	14.3	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.7	0.0%	0.9	63,655	102.7	2,225	8.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.8	2.5%	1.1	228,497	548.7	2,603	11.1	35,650	23.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.5	0.7%	1.0	211,075	1119.1	1,876	14.7	33,170	19.1%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.3	0.6%	1.1	10,743	70.5	1,178	14.7	19,800	5.1%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.6	0.4%	1.1	10,218	108.8	4,150	6.4	31,700	2.6%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.0	-0.9%	1.2	114,227	459.0	2,196	36.0	98,300	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.7	-2.3%	0.6	126,860	350.0	4,160	14.6	64,500	49.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.9	5.04%	1.3	9,919	261.1	2,412	18.6	19.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	148.5	1.30%	1.0	25,290	141.7	3,620	41.0	32.5%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.2	0.18%	1.1	40,234	21.8	3,578	15.2	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	21.0	-1.64%	1.2	16,725	208.9	514	40.8	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	19.6	-0.25%	1.2	19,970	279.4	401	48.9	21.0%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	28.5	-1.39%	1.2	5,683	72.9	3,057	9.3	3.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	32.8	-2.38%	1.3	12,135	113.8	938	35.0	20.8%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	41.1	-3.07%	1.4	15,597	127.5	4,849	8.5	10.8%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	37.5	-1.06%	1.2	18,195	75.5	2,172	17.3	45.7%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	59.7	-1.32%	1.1	14,454	18.6	5,474	10.9	3.4%	28.2%	
SZC	Bất động sản	32.5	-0.61%	1.0	5,841	20.5	1,763	18.4	2.7%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.8	0.00%	1.4	18,894	122.6	852	25.5	12.4%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	220.0	1.38%	1.3	847,663	872.3	2,287	96.2	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	32.4	0.47%	1.3	73,510	163.5	2,144	15.1	14.5%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	38.7	0.13%	1.1	8,184	16.2	1,833	21.1	38.4%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.6	-0.43%	0.7	43,899	96.5	2,090	16.5	15.0%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.2	-2.06%	0.9	14,536	493.5	1,602	16.3	6.9%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.4	0.88%	1.3	11,920	47.3	1,262	27.3	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	30.5	0.00%	1.8	20,090	111.6	1,683	18.1	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.4	-0.95%	0.9	150,568	47.0	5,014	12.5	1.7%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	-1.31%	1.0	35,362	93.0	812	18.6	2.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	67.4	1.66%	0.9	36,508	58.9	4,776	14.1	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	179.1	0.06%	0.7	105,958	436.2	2,897	61.8	7.3%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.7	0.33%	1.1	41,195	480.3	2,313	19.7	8.3%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	63.5	-0.16%	1.0	27,082	127.0	3,503	18.1	43.0%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	67.5	2.27%	0.7	11,398	171.3	6,185	10.9	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.6	-0.80%	0.9	8,717	61.2	2,090	8.9	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	108.8	3.82%	0.0	13,250	102.1	3,139	34.7	4.8%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	89.4	-0.45%	0.9	30,499	24.4	6,920	12.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.0	0.17%	0.8	3,249	57.8	2,535	11.4	48.7%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.1	0.50%	1.4	2,587	28.4	2,875	7.0	16.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.2	-0.82%	1.1	16,420	83.9	1,212	19.9	4.3%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	28.3	-2.92%	1.3	113,000	121.0	1,569	18.0	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.5	1.58%	1.2	41,911	261.0	1,635	13.8	3.6%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	49.6	-1.29%	0.5	148,020	71.7	3,469	14.3	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	0.00%	0.0	24,877	17.9	2,337	6.2	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.5	0.81%	1.0	33,155	44.3	1,460	8.5	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	17.3	0.00%	1.1	7,721	204.5	571	30.2	5.2%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	30.8	6.94%	1.4	8,201	200.7	2,829	10.9	4.1%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.0	0.00%	0.7	9,729	47.0	1,715	18.7	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.2	-0.11%	0.9	60,537	35.7	3,373	14.0	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.7	3.41%	1.1	13,624	256.6	6,944	8.7	19.7%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	164.1	-1.50%	0.6	13,433	12.3	14,639	11.2	85.3%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	87.9	-1.01%	1.1	8,916	46.8	6,560	13.4	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	93.0	1.97%	1.1	10,638	64.1	5,128	18.1	5.3%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	45.7	1.56%	1.1	4,601	53.1	3,037	15.0	5.2%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.3	-0.69%	1.2	7,113	70.6	1,106	12.9	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.5	-0.22%	0.9	9,254	48.1	1,377	16.3	12.6%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.5	-0.41%	1.0	15,838	72.6	6,148	4.0	4.8%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	46.8	-0.43%	1.3	20,983	46.5	3,090	15.1	3.3%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>